

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118/2022/HS-ST
Ngày: 05-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HS ngày 15/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng T, sinh năm 1996 tại tỉnh B. Nơi cư trú: Đội 12, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị T; vợ là Lê Thị Trà V và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 26/10/2021 cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng T: Ông Lê Văn N – Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Đỗ Minh H, sinh năm 2001 tại tỉnh B. Nơi cư trú: Số 86 N, Tổ 3, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị Phương L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Việt L, sinh năm 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26 Đ, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Khu phố 12, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Phạm Nguyễn Thái H, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chị Đoàn Huỳnh T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

4. Bà Huỳnh Thị Kim S, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Số 71, đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Vương Quốc Gia B, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số 20/4 đường DT 743, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Lê Hữu H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chị Võ Thị My N, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Chị Cù Kim T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: đường 30/4, khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Anh Lê Văn B, sinh năm 1989. Nơi cư trú: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Anh Trần Văn T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: đường N19, Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại R;

Trụ sở: 69/6 T, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Chị Từ Kim Y – Giám đốc; vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hoàng T quen biết với Đỗ Minh H và Vương Quốc Gia B; B quen biết với Dương Hoài T. Trong khoảng thời gian từ ngày 28/6/2021 đến ngày 22/10/2021, T, T và H đã thực hiện các hành vi như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 28/6/2021, T rủ H đi trộm tài sản, T điều khiển xe mô tô biển số 61C1-600.52 của ông Lê Hữu H (cha vợ T) chở H đi qua nhiều tuyến đường thuộc thành phố T tìm tài sản để trộm; khi đi đến khu nhà trọ tại số 272/20, đường 30/4, tổ 16, khu phố 3, phường C, thành phố T; H đứng ngoài canh giới, T đi vào cạy cửa phòng trọ của chị Đoàn Huỳnh T lấy được các tài sản, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11; 01 giấy biên nhận cầm đồ (05 vòng bằng vàng); 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 thẻ ATM và 01 thẻ Visa của chị T; sau khi lấy được tài sản, giấy tờ và thẻ của chị T, T đi ra gặp H, T không nói cho H biết đã lấy được điện thoại di động Iphone 11 Promax, mà nói chỉ lấy được giấy cầm vàng và các giấy tờ tùy thân của chị T.

Vụ thứ hai: Sau khi trộm được giấy cầm vàng của chị T; ngày 28/6/2021, T bàn với H giả là người nhà của chị T đem giấy cầm vàng đến tiệm vàng để bán lại số vàng đã cầm trong giấy, H đồng ý; T điều khiển xe mô tô biển số 61C1-600.52 chở H đi đến tiệm vàng K; H đứng ngoài giữ xe, còn T cầm giấy biên nhận cầm vàng vào gặp bà Huỳnh Thị Kim S (chủ tiệm) đưa giấy biên nhận cầm vàng cho bà S và nói với bà S đây là giấy cầm vàng của người nhà T, do dịch bệnh bị cách ly nên không đến được và nhờ T bán hết số vàng đã cầm; tin tưởng lời T nói, bà S đã mua lại số vàng trên với giá 9.520.000 đồng, sau khi trừ đi tiền cầm vàng và tiền lãi tổng cộng 4.080.000 đồng, bà S đưa cho T số tiền 5.440.000 đồng; số tiền này, T chia cho H 2.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 171/KLTS-TTHS ngày 15/7/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax 64 GB, màu xanh, trị giá 20.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Sau khi lấy được điện thoại di động hiệu Iphone 11 và giấy chứng minh nhân dân của chị T; ngày 11/7/2021, T nhờ chị Võ Thị My N dùng giấy chứng minh nhân dân của chị T đến Trung tâm Vinaphone để làm lại sim số 0949.944894 của chị T. Sau khi làm lại sim số 0949.944.894, T đăng nhập vào ứng dụng thanh toán tiền trực tuyến MoMo mà chị T đã cài đặt trên điện thoại mua 5.000.000 đồng tiền card điện thoại trong tài khoản của chị T.

Vụ thứ tư: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/10/2021, Công an phường C, thành phố T nhận được tin báo của anh Nguyễn Việt L về việc bị mất tài sản tại nhà số 1/44, khu phố 12, phường C, thành phố T, gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Future biển số 53P – 9315, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 86H5 – 1301, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, 01 Laptop hiệu Lenovo, 01 Laptop hiệu Dell, 01 ba lô bên trong có 01 ví da và số tiền 2.000.000 đồng, 01 căn cước công dân và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Việt L.

Ngày 24/10/2021, Công an phường P tiến hành kiểm tra hành chính nhà số 169/74/19, Khu phố 2, phường P, thành phố T do Dương Hoài T và Cù Kim T thuê ở nhưng không đăng ký tạm trú; qua kiểm tra phát hiện trong nhà có điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10 giống với điện thoại anh Nguyễn Việt L trình báo bị mất, nên mời Dương Hoài T về trụ sở Công an phường P làm việc.

Ngày 26/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một mời T đến làm việc; tại Cơ quan điều tra, T khai nhận: Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 22/10/2021, Vương Quốc Gia B gọi điện cho T nói qua nhà B đi tìm tài sản trộm, T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki (không biển số) đến nhà của B; sau đó, B điều khiển xe mô tô hiệu Honda Click, màu đen (không rõ biển số) cùng T đi đến nhà của Dương Hoài T; khi gặp nhau, B chở T còn T đi xe của T; cả ba đi qua nhiều tuyến đường thuộc thành phố T tìm tài sản để trộm, nhưng do không trộm được nên B bỏ về khách sạn ngủ, còn T chở T đi tiếp.

Khi đi ngang qua nhà của anh Nguyễn Việt L, T thấy cửa ngoài không đóng nên nói T dừng xe và đứng canh giới, T đi vào lấy trộm được 02 máy tính xách tay, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 để trong 01 cặp xách và cái ví bên trong có 2.000.000 đồng đem ra ngoài để cho T chở về nhà thuê của T, T đưa số tài sản vừa lấy trộm được cho Cù Kim T cất giữ rồi cả hai quay lại nhà của anh L trộm tiếp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 86H5 – 1301 đem về nhà T thuê cất giấu và cả hai quay lại nhà anh L lấy trộm thêm 01 xe mô tô hiệu Honda Future, biển số 53P – 9315. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 86H5 – 1301 đem giấu tại khu đất gần nhà của B, còn T điều khiển xe mô tô biển số 53P – 9315 đi đâu T không rõ.

Khoảng 06 giờ cùng ngày, T đến nhà T thì T đưa cho T 1.000.000 đồng, 01 túi xách bên trong có 02 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 nói T đem đi bán. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T đến nhà B lấy xe mô tô biển số 86H5 – 1301 đi đến tiệm cầm đồ T do anh Lê Văn B làm chủ cầm được 4.500.000 đồng; máy tính xách tay hiệu Lenovo, T đem đến tiệm cầm đồ T bán cho anh Trần Văn T được 3.700.000 đồng.

Ngày 25/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Hoàng T thu giữ các tài sản gồm: 01 Laptop hiệu Dell màu đen, 01 căn cước công dân tên Nguyễn Việt L, 01 thẻ ATM tên Nguyễn Việt L và 01 cặp đựng laptop. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiến hành thu hồi các vật chứng, gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 86H5 – 1301 và giấy chứng nhận đăng ký xe tại tiệm cầm đồ T và 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo tại tiệm cầm đồ T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ các tài sản gồm: Xe mô tô hiệu Suzuki (không biển số), 01 nón bảo hiểm màu tím của T; 01 đầu thu camera hiệu Wintech màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, 01 biển số xe 61G1 – 678.79 và số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của Vương Quốc Gia B; 05 vòng cimen bằng kim loại màu vàng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83E1 – 262.92, 02 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank và 01 giấy chứng minh nhân dân của chị Đoàn Huỳnh T.

Tại kết luận định giá tài sản số 266/KLTS-TTHS ngày 01/11/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 86H5 – 1301, trị giá 8.500.000 đồng; xe mô tô hiệu Honda Future biển số 53P – 9315, trị giá 18.000.000 đồng; máy tính xách tay hiệu Lenovo think pad E14, trị giá 11.500.000 đồng; máy tính xách tay hiệu Dell Latitude E7250, trị giá 2.500.000 đồng; điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10, trị giá 7.500.000 đồng; điện thoại di động hiệu Iphone 7,

trị giá 3.500.000 đồng; cặp xách màu đen, trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 51.600.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng trong ví của anh L.

Ngày 29/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Dương Hoài T về hành vi trộm cắp tài sản; do T đã bỏ trốn nên ngày 10/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định truy nã đối với Dương Hoài T. Đối với Cù Kim T, không thừa nhận việc cất giữ tài sản do T và Hoài T phạm tội mà có, do Hoài T đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm rõ được hành vi của Cù Kim T.

Quá trình điều tra xác định: Vương Quốc Gia B có đi chung với T và Dương Hoài T vào rạng sáng ngày 22/10/2021, nhưng không tham gia trộm tài sản cùng T và Hoài T tại nhà anh L. Đối với chị Võ Thị My N, khi được T nhờ đi làm lại sim số 0949.944.894 của chị T, không biết T sử dụng thuê bao này để thực hiện hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác định: Khi T cầm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 86H5 – 1301 cho anh Lê Văn B và bán máy tính xách tay hiệu Lenovo cho anh Trần Văn T, T nói là tài sản của mình; anh B và anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có.

Ngày 15/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh L máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo, 01 cặp xách laptop, 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy Note 10 kèm hộp đựng điện thoại, căn cước công dân và 01 thẻ ATM; trả lại cho chị H xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 86H5-1301, giấy đăng ký xe, máy tính xách tay hiệu Dell và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7; trả lại cho chị T giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83E1-26292, 02 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank và 01 giấy chứng minh nhân dân của chị Đoàn Huỳnh T.

Đối với xe mô tô biển số 61C1-600.52 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Hữu H (cha vợ T), ông H không biết việc T mượn xe để làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ xe và đề cập xử lý ông H. Đối với xe mô tô hiệu Suzuki, số máy DP06005261, số khung D43T8T005438 (không gắn biển số) mà T sử dụng; quá trình điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại R bị mất ngày 18/10/2021, nhưng do xe cũ và giá trị thấp nên Công ty không trình báo; T khai mua lại xe mô tô trên của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch; ngày 15/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe cho Công ty R; về đầu thu camera hiệu Wintech và điện thoại di động hiệu Nokia 105 không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Vương Quốc Gia B; đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của B, trong số tiền này T nhờ B đưa cho Hoài T 4.400.000 đồng là tiền cầm xe và bán máy tính xách tay trộm của chị H và anh L.

Về biển số xe mô tô số 61G1-678.79 thu giữ tại nhà của Vương Quốc Gia B, quá trình điều tra xác định biển số xe 61G1-678.79 được cấp cho xe mô tô hiệu Honda Vision thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Hồng Q, hiện xe vẫn do chị Q sử dụng, không bị mất. Đối với 05 vòng bằng kim loại màu vàng, quá trình điều

tra xác định thời điểm xảy ra vụ án thì số tài sản này thuộc quyền quản lý của bà Huỳnh Thị Kim S, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho bà S.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Việt L yêu cầu T bồi thường số tiền 18.000.000 đồng là giá trị xe mô tô hiệu Honda Future, biển số 53P – 9315 của anh L; chị Đoàn Huỳnh T yêu cầu T bồi thường tổng số tiền 25.000.000 đồng là trị giá chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax và số tiền mà T đã chiếm đoạt của chị T; bà Huỳnh Thị Kim S yêu cầu T và Đỗ Minh H liên đới bồi thường số tiền 5.440.000 đồng đã chiếm đoạt của bà S. Anh Lê Văn B yêu cầu T trả lại số tiền 4.500.000 đồng là số tiền mà anh B đã bỏ ra để cầm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 86H5 – 1301 cho T.

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một gồm: Số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của Vương Quốc Gia B; 01 biển số xe mô tô số 61G1-678.79 thu giữ tại nhà của Vương Quốc Gia B và 01 nón bảo hiểm màu tím thu giữ của Lê Hoàng T.

Tại Cáo trạng số 88/CT-VKSTDM-HS ngày 22/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Lê Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đỗ Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và truy tố bị cáo Đỗ Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng T từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Minh H từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Hoàng T bồi thường cho anh Nguyễn Việt L số tiền 18.000.000 đồng; bồi thường cho chị Đoàn Huỳnh T số tiền 25.000.000 đồng và trả lại cho anh Lê Văn B số tiền 4.500.000 đồng. Buộc bị cáo Lê Hoàng T và bị cáo Đỗ Minh H liên đới bồi thường cho chị Đoàn Huỳnh T số tiền 5.440.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quản thủ số tiền 4.400.000 đồng của bị cáo Lê Hoàng T để bảo đảm thi hành án; tuyên trả lại cho anh Vương Quốc Gia B số tiền 600.000 đồng và tuyên tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm đã qua sử dụng màu tím và biển số xe mô tô số 61.G1 - 678.79.

Tại phần tranh luận, người bào chữa cho bị cáo T không tranh luận về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đã truy tố và đề nghị; cho rằng bị cáo phạm tội để lo cho gia đình trong tình hình dịch bệnh không có việc làm, tiền thu lợi bất chính không lớn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt đầu khung cho bị cáo T ở cả hai tội.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tranh luận với người bào chữa cho bị cáo T: Trong vụ án này, bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần ở tội “Trộm cắp tài sản” và là người chủ mưu trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nên việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng mức hình phạt đầu khung cho bị cáo T là không có căn cứ.

Tại phần tranh luận, bị cáo T và H không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã đề nghị. Chị Đoàn Huỳnh T và bà Huỳnh Thị Kim S không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Lê Hoàng T nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về chăm sóc gia đình.

Bị cáo Đỗ Minh H nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng T và Đỗ Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra, vật chứng của vụ án, biên bản xác định hiện trường và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Ngày 28/6/2021, Lê Hoàng T đã trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, 01 giấy biên nhận cầm đồ (05 vòng bằng vàng), 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 thẻ ATM và 01 thẻ Visa của chị Đoàn Huỳnh T tại địa chỉ số 272/20 đường 30/4, Tổ 16, Khu phố 3, phường C, thành phố T; ngày 11/7/2021, T đã chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng trong tài khoản MoMo của chị Đoàn Huỳnh T; ngày

22/10/2021, Lê Hoàng T đã trộm chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 86H5 – 1301, 01 máy tính xách tay hiệu Dell Latitude E7250 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 của chị Phạm Nguyễn Thái H; trộm chiếc xe mô tô hiệu Honda Future biển số 53P – 9315, 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo E14, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10, 01 cặp xách đựng laptop màu đen và số tiền 2.000.000 của anh Nguyễn Việt L tại nhà số 1/44, Khu phố 12, phường C, thành phố T; tổng giá trị các tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt của các bị hại là 78.600.000 đồng; Lê Hoàng T cùng Đỗ Minh H đã có hành vi gian dối lừa bán vàng của chị T cho bà S chiếm đoạt của bà S số tiền 5.440.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Lê Hoàng T về các tội “Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Đỗ Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; tuy nhiên, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo H phạm tội và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo T có vai trò chính trong vụ án; bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo T.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T: Phạm tội nhiều lần. Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội và tình hình trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa phương đang diễn biến phức tạp, nên đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do các bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là đúng pháp luật; về ý kiến của người bào chữa đề nghị cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt đầu khung của cả hai tội là không phù hợp với công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nên không được chấp nhận.

[9] Quá trình điều tra xác định: Khi cầm xe và máy tính của T, anh B và anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[10] Đối với Đỗ Minh H đã có hành vi chở T đến phòng trọ của chị T trộm cắp; tuy nhiên, việc T trộm được điện thoại di động hiệu Iphone 11 của chị T, nhưng T không cho H biết và sau khi bán điện thoại T cũng không chia tiền cho H, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H về vai trò đồng phạm với T trong việc trộm cắp di động hiệu Iphone 11 promax của chị T là đúng.

[11] Ngày 29/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Dương Hoài T về hành vi trộm cắp tài sản của chị H và anh L; do T đã bỏ trốn nên ngày 10/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra quyết định truy nã đối với Dương Hoài T, khi nào bắt được T sẽ xử lý sau. Đối với Cù Kim T, quá trình điều tra, chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; khi nào bắt được Dương Hoài T sẽ tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Cù Kim T để xử lý theo quy định pháp luật.

[12] Quá trình điều tra xác định: Vương Quốc Gia B có đi chung với T và Dương Hoài T vào rạng sáng ngày 22/10/2021, nhưng không tham gia trộm tài sản cùng T và Hoài T tại nhà của anh L; chị Võ Thị My N, khi được T nhờ đi làm lại sim số 0949.944.894 của chị T, không biết T sử dụng thuê bao này để đăng nhập vào tài khoản Momo của chị T chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh B và chị N là có căn cứ.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo T bồi thường cho anh Nguyễn Việt L 18.000.000 đồng (trị giá xe mô tô hiệu Honda Future, biển số 53P – 9315); bồi thường cho chị Đoàn Huỳnh T 25.000.000 đồng (trị giá chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax và số tiền 5.000.000 đồng trong tài khoản) và trả lại cho anh Lê Văn B số tiền 4.500.000 đồng (cầm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 86H5 – 1301). Tại phiên tòa, chị T trình bày đã trả cho bà Huỳnh Thị Kim S 5.440.000 đồng mà T và H đã chiếm đoạt của bà S để nhận lại số vàng đã cầm, được bà S thừa nhận; chị T yêu cầu T và H phải bồi thường số tiền này, nên cần buộc T và H liên đới bồi thường cho chị T 5.440.000 đồng. Đối với anh Trần Văn T không yêu cầu T phải trả lại số tiền 3.700.000 đồng đã cầm máy tính xách tay, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[14] Về vật chứng của vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo T không yêu cầu nhận lại nón bảo hiểm của mình, biển số xe 61.G1-678.79 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của Vương Quốc Gia B,

có 4.400.000 đồng là do T phạm tội mà có nên cần quản thủ để bảo đảm thi hành án; số tiền 600.000 đồng của anh B không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho anh B.

[15] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc bị cáo Lê Hoàng T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/10/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Buộc bị cáo Lê Hoàng T phải bồi thường cho anh Nguyễn Việt L số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng);

Buộc bị cáo Lê Hoàng T phải bồi thường cho chị Đoàn Huỳnh T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Buộc bị cáo Lê Hoàng T phải trả cho anh Lê Văn B số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

Buộc bị cáo Lê Hoàng T và bị cáo Đỗ Minh H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Đoàn Huỳnh T số tiền 5.440.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên quản thủ số tiền 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Lê Hoàng T để bảo đảm thi hành án.

Tuyên trả lại cho anh Vương Quốc Gia B số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm đã qua sử dụng màu tím và biển số xe mô tô số 61.G1-678.79.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 113.22 ngày 24/5/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một và giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1046038.00000 ngày 18/4/2022 của Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bình Dương).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Hoàng T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.147.000 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đỗ Minh H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 270.000 đồng (hai trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường